

Bản án số: 341/2025/DS-PT

Ngày 21 tháng 4 năm 2025

“V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chia di sản thừa kế; yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu; yêu cầu công nhận di chúc; yêu cầu xác định di sản dùng vào việc thờ cúng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1026/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chia di sản thừa kế; yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu; yêu cầu công nhận di chúc; yêu cầu xác định di sản dùng vào việc thờ cúng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 718/2025/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

2.1. Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1940 – Có mặt;

2.2. Bà **Diệp Thị M**, sinh năm 1951 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 113, Tổ 5, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn H, bà Diệp Thị M: Bà Bùi Trần Phú T, sinh năm 1976 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 07 Hồ Hảo Hớn, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền được Văn phòng công chứng Nguyễn Thành Quốc, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang công chứng ngày 08/11/2022);

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1957 – Có mặt;

2.2. Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1960 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 114, Tổ 5, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị X: Bà Lê Thị V (Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang chứng thực ngày 14/11/2022) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị V, Lê Thị X: Luật sư Phạm Thái Bình, Trưởng Văn phòng luật sư Phạm Thái Bình thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang – Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lê Thị Trúc X¹, sinh năm 1978 – Vắng mặt;

3.2. Anh Lê Đức H¹, sinh năm 1981 – Vắng mặt;

3.3. Chị Lê Thị Diễm T¹, sinh năm 1996 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 113, Tổ 5, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

3.4. Ông Đặng Ngọc L, sinh năm 1985 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 507, Tổ 28, ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

3.5. Bà Lê Thị V¹, sinh năm 1954 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 28, ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

3.6. Anh Nguyễn Văn T², sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Mỹ Kiến Bình 2, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

- 3.7. Chị Nguyễn Thị T³, sinh năm 1965 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Ấp Phú Thượng 3, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- 3.8. Chị Nguyễn Thị T⁴, sinh năm 1969 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Ấp Bình Thạnh, xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- 3.9. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- 3.10. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1975 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Ấp Kiến Bình 1, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- 3.11. Anh Lê Văn D, sinh năm 1964 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Tổ 35, ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- 3.12. Chị Lê Thị Thu T⁵, sinh năm 1966 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Tổ 13, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- 3.13. Chị Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1969 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Tổ 24, ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- 3.14. Anh Lê Quang S, sinh năm 1972 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Tổ 15, ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- 3.15. Anh Lê Trường V², sinh năm 1974 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Tổ 3, ấp Hưng Hoà, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- 3.16. Chị Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1977 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Tổ 19, ấp Bình Phú, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- 3.17. Anh Lê Đức T⁶, sinh năm 1980 – Vắng mặt;
Địa chỉ: Số 110, Tổ 5, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- 3.18. Bà Nguyễn Thị H², sinh năm 1939 (chết ngày 30/7/2024);
Địa chỉ: Ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H² gồm các anh, chị: Lê Văn D, Lê Thị Thu T⁵, Lê Thị Mỹ P, Lê Quang S, Lê Trường V², Lê Thị Mỹ C, Lê Đức T⁶;

3.19. Anh Nguyễn Văn M¹, sinh năm 1959 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 19, ấp Mỹ Hoà A, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

3.20. Chị Nguyễn Thị T⁷, sinh năm 1961 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

3.21. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1964 – Vắng mặt;

3.22. Anh Nguyễn Văn S¹, sinh năm 1966 – Vắng mặt;

3.23. Chị Nguyễn Thị P¹, sinh năm 1968 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Hoà B, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

3.24. Ông Nguyễn Văn G¹, sinh năm 1936 (chết ngày 21/3/2024);

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hoà B, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn G¹ gồm các anh, chị: Nguyễn Văn M¹, Nguyễn Thị T⁷, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn S¹ và Nguyễn Thị P¹;

3.25. Ông Nguyễn Văn K¹, sinh năm 1950 – Vắng mặt;

3.26. Anh Nguyễn Tiếp C¹, sinh năm 1975 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Phú, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

3.27. Chị Nguyễn Thị T⁸, sinh năm 1977 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 30, ấp Bình Hưng 2, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

3.28. Chị Nguyễn Thị Thu H³, sinh năm 1979 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 20, ấp Bình Phú, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

3.29. Chị Nguyễn Thị Minh C², sinh năm 1984 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 31, ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

3.30. Chị Nguyễn Thị Kiều L¹, sinh năm 1986 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Bình Tây 1, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của các đương sự: Lê Thị V¹, Nguyễn Văn T², Nguyễn Thị T³, Nguyễn Thị T⁴, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Lê Thị Thu T⁵, Lê Thị Mỹ P, Lê Quang S, Lê Trường V², Lê Thị Mỹ C, Lê Đức T⁶, Nguyễn Văn M¹, Nguyễn Thị T⁷, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn S¹, Nguyễn Thị P¹, Nguyễn Văn K¹, Nguyễn Tiếp C¹, Nguyễn Thị Thu H³, Nguyễn Thị T⁸, Nguyễn Thị Minh C², Nguyễn Thị Kiều L¹ (Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang BL 197-200): Bà Lê Thị V (Bị đơn) – Có mặt;

3.31. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

Địa chỉ: Số 328 Lê Lợi, Quốc lộ 91, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành: Bà Nguyễn Thị Phương L², Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành – Vắng mặt;

4. Người kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Diệp Thị M;

4.2. Bị đơn bà Lê Thị V, Lê Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Diệp Thị M trình bày:

Diện tích 14.675 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang là của ông H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Tư vào năm 1969, đến năm 1980 đưa đất vào Tập đoàn, đến năm 1993 ông H bồi hoàn thành quả lao động cho ông Bắp và ông Bẹ để nhận lại đất. Các sự việc trên đều không lập văn bản. Ông H kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01012/QSDĐ/iG ngày 01/11/1993, Thửa đất số 764, diện tích 14.675 m², Tờ bản đồ số 03 xã Vĩnh An. Ông H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha là cụ Lê Công T⁹ cất giữ, sau này thì bà V và bà X cất giữ giấy.

Vợ chồng ông H và bà V, bà X cùng sống chung với cha mẹ là cụ Lê Công T⁹, cụ Nguyễn Thị V⁹; do vợ chồng ông H mâu thuẫn với bà V, bà X nên ông H chỉ sử dụng đất 01 năm (1993) thì ra sống riêng và giao đất cho cụ T⁹ sử dụng, cụ T⁹ giao đất cho bà V và bà X quản lý, sử dụng đất đến nay. Hiện bà V, bà X cho ông Đặng Ngọc L thuê đất canh tác.

Cụ V⁹ chết ngày 09/7/2004, cụ T⁹ chết ngày 09/8/2015, hai cụ đều không có di chúc.

Ông H, bà M khởi kiện yêu cầu bà V, bà X, ông L trả lại cho ông H, bà M Thửa đất số 764, diện tích 14.675 m² cùng bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01012/QSDĐ/iG ngày 01/11/1993 và yêu cầu tuyên bố vô hiệu Di chúc ngày 26/11/1999 của cụ T⁹ do bà V, bà X nộp.

Tại Đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị V và bà Lê Thị X đều trình bày:

Cụ Lê Công T⁹ và cụ Nguyễn Thị V⁹ có 08 người con chung, gồm: Lê Văn H, Lê Thị V, Lê Thị X, Lê Thị V¹, Lê Thị N¹ (chết năm 1994, chồng là Nguyễn Văn U chết năm 1982, các con là: Nguyễn Văn T², Nguyễn Thị T³, Nguyễn Thị T⁴, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K), Lê Văn R (chết năm 2020, vợ là Nguyễn Thị H², các con là: Lê Văn D, Lê Thị Thu T⁵, Lê Thị Mỹ P, Lê Quang S, Lê Trường V², Lê Thị Mỹ C, Lê Đức T⁶), Lê Thị K² (chết năm 2013, chồng là Nguyễn Văn G¹, các con là: Nguyễn Văn M¹, Nguyễn Thị T⁷, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn S¹, Nguyễn Thị P¹), Lê Thị Đ (chết năm 2013, chồng là Nguyễn Văn K¹, các con là: Nguyễn Tiếp C¹, Nguyễn Thị T⁸, Nguyễn Thị Thu H³, Nguyễn Thị Minh C², Nguyễn Thị Liễu L¹).

Cụ T⁹ và cụ V⁹ có các tài sản sau đây:

1. Diện tích 186 m² thổ cư gắn với căn nhà ở tại ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do cụ T⁹ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 05800.QSDĐ/qB ngày 12/11/2002.

2. Đất trồng lúa khoảng 100 công tại xã Vĩnh An, năm 1985 đưa vào Tập đoàn phân phối đất cho người khác; Năm 1989 theo chủ trương chủ cũ bồi hoàn thành quả lao động cho chủ mới để nhận lại đất thì cụ T⁹ bồi hoàn thành quả cho các ông, bà: Nguyễn Văn Đet, Nguyễn Văn On, Lê Thị Nhút nhưng không lập văn bản. Ông On, bà Nhút đã chết nhưng con ông On là Nguyễn Hữu Phước và con bà Nhút là Lê Thị Giấy có văn bản xác nhận ông On, bà Nhút đã nhận của cụ T⁹ số lúa bồi hoàn thành quả lao động.

Sau khi nhận lại đất thì cụ T⁹ phân chia cho các con như sau: Bà Đ, bà K², bà N¹, bà V¹, bà V, bà X, ông R, mỗi người 10 công, cho ông H 14.675 m², còn lại hơn 6.379 m² cụ T⁹ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00947.QSDĐ/iG ngày 01/11/1993.

3. Ngoài ra, cụ T⁹ cùng ông H, bà V, bà X cùng khai phá khoảng 12.000 m² tại xã Kiến An, huyện Chợ Mới và thoả thuận chia cho ông H 6.000 m², còn lại cụ T⁹, bà V, bà X là 6.000 m².

Sau đó, cụ T⁹ với ông H thoả thuận trao đổi là cụ T⁹ giao cho ông H 6.000 m² tại xã Kiến An, còn ông H giao trả lại cho cụ T⁹ 14.675 m² tại xã Vĩnh An nên ông H, bà M được đứng tên Giấy chứng nhận 12.000 m² tại xã Kiến An, còn cụ T⁹ quản lý sử dụng 14.675 m² tại xã Vĩnh An. Ngày 10/11/1999, ông H lập

văn bản giao trả cho cụ T⁹ 14.675 m² tại xã Vĩnh An và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ V⁹ chết năm 2004 không có di chúc, còn cụ T⁹ chết năm 2015, có lập Di chúc ngày 26/11/1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông). Theo đó, cụ T⁹ cho bà V và bà X diện tích 14.675 m² và diện tích 6.379 m² đều tại xã Vĩnh An.

Bà V và bà X không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H, bà M và có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận di chúc ngày 26/11/1999 của cụ T⁹; chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ V⁹ là 50% diện tích 14.675 m² và diện tích 6.379 m² đều tại xã Vĩnh An; Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01012/QSDĐ/iG ngày 01/11/1993 do ông H đứng tên; đồng thời, rút yêu cầu công nhận nhà ở gắn liền với đất 186 m² tại xã Mỹ Hội Đông dùng vào việc thờ cúng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các đương sự: Lê Thị V¹, Nguyễn Văn T², Nguyễn Thị T³, Nguyễn Thị T⁴, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Lê Thị Thu T⁵, Lê Thị Mỹ P, Lê Quang S, Lê Trường V², Lê Thị Mỹ C, Lê Đức T⁶, Nguyễn Văn G¹, Nguyễn Văn M¹, Nguyễn Thị T⁷, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn S¹, Nguyễn Thị P¹, Nguyễn Văn K¹, Nguyễn Tiếp C¹, Nguyễn Thị Thu H³, Nguyễn Thị T⁸, Nguyễn Thị Minh C², Nguyễn Thị Kiều L¹ đều trình bày: Thống nhất yêu cầu phản tố của bị đơn và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Thị Trúc X¹, Lê Đức H¹, Lê Thị Diễm T¹ đều trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc L trình bày: Ông có thuê của bà V, bà X diện tích 14.675 m² từ năm 2012 đến nay. Ông không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn D, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành: Không gửi văn bản ý kiến và cũng vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 34, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 93, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 649, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 652, khoản 3 Điều 658, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Án lệ số 05/2016/AL; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a

khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Diệp Thị M đối với bà Lê Thị V, bà Lê Thị X và ông Đặng Ngọc L về yêu cầu trả diện tích 14.675 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; về yêu cầu trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01012/QSDD/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Lê Văn H diện tích 14.675 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Diệp Thị M về yêu cầu tuyên bố Tờ di chúc do cụ Lê Công T⁹ lập ngày 26/11/1999 vô hiệu.

3. Tuyên bố Tờ di chúc do cụ Lê Công T⁹ lập ngày 26/11/1999 vô hiệu.

4. Đình chỉ xét xử một phần phản tố của bị đơn bà Lê Thị V và bà Lê Thị X về yêu cầu nhà ở gắn với diện tích 186 m² đất ở tại xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang dùng vào việc thờ cúng theo di chúc; về yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01012/QSDD/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Lê Văn H diện tích 14.675 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

5. Không chấp nhận phản tố của bị đơn bà Lê Thị V và bà Lê Thị X về yêu cầu công nhận hiệu lực một phần Tờ di chúc ngày 26/11/1999; về yêu cầu công nhận bà Lê Thị V và bà Lê Thị X được hưởng 50% diện tích 14.675 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, 50% diện tích 6.379 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, một phần hưởng thừa kế của cụ Lê Công T⁹ từ di sản của cụ Nguyễn Thị V⁹;

6. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị V và bà Lê Thị X về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị V⁹ theo pháp luật;

7. Xác định hàng thừa kế của cụ Lê Công T⁹ và cụ Nguyễn Thị V⁹ là bảy người con, gồm: Bà Lê Thị N¹, ông Lê Văn R, bà Lê Thị K², bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn H, bà Lê Thị V¹, bà Lê Thị V, bà Lê Thị X.

- Bà Lê Thị N¹ (chết), có hàng thừa kế là: Nguyễn Văn T³, Nguyễn Thị T⁴, Nguyễn Thị T⁵, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K.

- Ông Lê Văn R (chết), có hàng thừa kế là: Nguyễn Thị H², Lê Văn D, Lê Thị Thu T⁵, Lê Thị Mỹ P, Lê Quang S, Lê Trường V², Lê Thị Mỹ C, Lê Đức T⁶.

- Bà Lê Thị K² (chết), có hàng thừa kế là: Nguyễn Văn G¹, Nguyễn Văn M¹, Nguyễn Thị T⁷, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn S¹, Nguyễn Thị P.

- Bà Lê Thị Đ (chết), có hàng thừa kế là: Nguyễn Văn K¹, Nguyễn Tiếp C¹, Nguyễn Thị T⁸, Nguyễn Thị Thu H³, Nguyễn Thị Minh C², Nguyễn Thị Kiều L¹.

8. Xác định di sản của cụ Lê Công T⁹ và cụ Nguyễn Thị V⁹ là diện tích 14.675 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và diện tích 6.379 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, trị giá thành tiền là 810.579.000 đồng chia thừa kế theo pháp luật.

9. Trích di sản của cụ Lê Công T⁹ và cụ Nguyễn Thị V⁹ tương ứng một phần thừa kế theo pháp luật thanh toán cho bà Lê Thị V và bà Lê Thị X về công sức quản lý di sản.

10. Bà Lê Thị V và bà Lê Thị X có nghĩa vụ hoàn trả phần thừa kế trị giá bằng tiền cho những người sau đây:

- Trả cho ông Lê Văn H số tiền 90.064.333 đồng;
- Trả cho bà Lê Thị V¹ số tiền 90.064.333 đồng;
- Trả cho Nguyễn Văn T³, Nguyễn Thị T⁴, Nguyễn Thị T⁵, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K số tiền 90.064.333 đồng;
- Trả cho Nguyễn Thị H², Lê Văn D, Lê Thị Thu T⁵, Lê Thị Mỹ P, Lê Quang S, Lê Trường V², Lê Thị Mỹ C, Lê Đức T⁶ số tiền 90.064.333 đồng;
- Trả cho Nguyễn Văn G¹, Nguyễn Văn M¹, Nguyễn Thị T⁷, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn S¹, Nguyễn Thị P số tiền 90.064.333 đồng;
- Trả cho Nguyễn Văn K¹, Nguyễn Tiếp C¹, Nguyễn Thị T⁸, Nguyễn Thị Thu H³, Nguyễn Thị Minh C², Nguyễn Thị Kiều L¹ số tiền 90.064.333 đồng;

11. Bà Lê Thị V và bà Lê Thị X được quyền sử dụng diện tích 14.675 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và diện tích 6.379 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01012/QSDĐ/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Lê Văn H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947/QSDĐ/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho cụ Lê Công T⁹.

12. Ông Lê Văn H có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng diện tích 14.675 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01012/QSDĐ/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Văn H cho bà Lê Thị V và bà Lê Thị X theo quy định của pháp luật về đất đai.

13. Bà Lê Thị V và bà Lê Thị X có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng diện tích 14.675 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện

Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01012/QSĐĐ/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Văn H theo quy định của pháp luật về đất đai.

14. Bà Lê Thị V và bà Lê Thị X có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng diện tích 6.379 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947/QSĐĐ/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp cho cụ Lê Công T⁹ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2024, nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Diệp Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm;

Ngày 19/9/2024, bị đơn bà Lê Thị V và bà Lê Thị X có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, công nhận Tờ di chúc ngày 26/11/1999 của cụ Lê Công T⁹;

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Bùi Trần Phú T giữ nguyên kháng cáo của ông Lê Văn H, bà Diệp Thị M và trình bày căn cứ vào Công văn số 402 ngày 06/4/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành và Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An ngày 21/8/1993 là cấp cho hộ gia đình ông H. Nội dung di chúc của cụ T⁹ không nêu rõ thừa đất nào, bà V là người viết di chúc, thời điểm Ủy ban xác nhận vào di chúc cũng không đúng nên di chúc của cụ T⁹ là không hợp pháp; Đề nghị bác kháng cáo của bà V, bà X, chấp nhận kháng cáo của ông H, bà M, sửa Bản án sơ thẩm, xác định Thừa đất số 764 thuộc quyền sử dụng của ông H, bà M và buộc bà V, bà X, ông L trả Thừa đất số 764 cho ông H, bà M.

Bà Lê Thị V không đồng ý kháng cáo của ông H, bà M và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu công nhận Di chúc ngày 26/11/1999 của cụ T⁹ là hợp pháp, yêu cầu được chia thừa kế theo di chúc của cụ T⁹.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V, bà X đề nghị bác kháng cáo của ông H, bà M và chấp nhận kháng cáo của bà V, bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đơn kháng cáo đều hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác toàn bộ các đơn kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Diệp Thị M và đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V, bà Lê Thị X đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các đương sự có kháng cáo đều có mặt và có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng họ đều là những người không có kháng cáo và sự vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

Vào ngày 21/3/2024 ông Nguyễn Văn G¹ chết nên các anh, chị: Nguyễn Văn M¹, Nguyễn Thị T⁷, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn S¹ và Nguyễn Thị P¹ tham gia tố tụng với tư cách vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vừa là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn G¹.

Vào ngày 30/7/2024 bà Nguyễn Thị H² chết nên các anh, chị: Lê Văn D, Lê Thị Thu T⁵, Lê Thị Mỹ P, Lê Quang S, Lê Trường V², Lê Thị Mỹ C và Lê Đức T⁶ tham gia tố tụng với tư cách vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vừa là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H².

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện và tất cả các đương sự đều thống nhất các vấn đề sau đây: Cụ Lê Công T⁹ và cụ Nguyễn Thị V⁹ có 08 người con chung, gồm: Lê Văn H, Lê Thị V, Lê Thị X, Lê Thị V¹, Lê Thị N¹ (chết năm 1994, chồng là Nguyễn Văn U chết năm 1982, các con là: Nguyễn Văn T², Nguyễn Thị T³, Nguyễn Thị T⁴, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K), Lê Văn R (chết năm 2020, vợ là Nguyễn Thị H², các con là: Lê Văn D, Lê Thị Thu T⁵, Lê Thị Mỹ P, Lê Quang S, Lê Trường V², Lê Thị Mỹ C, Lê Đức T⁶), Lê Thị K² (chết năm 2013, chồng là Nguyễn Văn G¹, các con là: Nguyễn Văn M¹, Nguyễn Thị T⁷, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn S¹, Nguyễn Thị P¹), Lê Thị Đ (chết năm 2013, chồng là Nguyễn Văn K¹, các con là: Nguyễn Tiếp C¹, Nguyễn Thị T⁸, Nguyễn Thị Thu H³, Nguyễn Thị Minh C², Nguyễn Thị Liễu L¹). Cụ Nguyễn Thị V⁹ chết ngày 09/7/2004 không có di chúc; Cụ Lê Công T⁹ chết ngày 09/8/2015;

[3] Bị đơn bà V, bà X xuất trình bản Di chúc ngày 26/11/1999 của cụ Lê Công T⁹, được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông xác nhận ngày 30/11/1999, có nội dung cụ T⁹ ủy quyền cho bà V, bà X trọn quyền xử lý ngôi nhà và hai mẫu đất tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh An. Tuy nhiên bản di chúc này không do cụ T⁹ tự viết mà không có hai người làm chứng là không đúng quy định tại Điều 659 Bộ luật dân sự năm 1995 (luật có hiệu lực pháp luật tại thời điểm lập di chúc);

Di chúc được bà V viết sẵn tại nhà rồi mang đến Ủy ban nhân dân xã chứng thực, thực tế cụ T⁹ không tuyên bố nội dung di chúc trước mặt người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, nên không đúng quy định tại Điều 661 Bộ luật dân sự năm 1995. Do đó, Di chúc ngày 26/11/1999 của cụ Lê Công T⁹ không đủ điều kiện để được công nhận là di chúc hợp pháp theo quy định tại Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà V và bà X yêu cầu công nhận bản Di chúc nêu trên.

[4] Nguyên đơn ông Lê Văn H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01012 QSDĐ/iG ngày 01/11/1993 Thửa đất số 764, diện tích 14.675 m² đất 2L, Tờ bản đồ số 03, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 10/11/1993 ông H viết “Tờ trả đất” có nội dung: “Tôi tên Lê Văn H, sanh năm 1940... nguyên tôi có đứng tên trong chứng khoán một thửa đất của cha tôi là ông Lê Công T⁹ tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Nay cha tôi nghĩ cho đứt tôi phần đất này nhưng tôi không nhận nên tôi giao trả lại chứng khoán và làm giấy này để làm bằng và không được quyền khiếu nại khi cha tôi chuyển sang tên cho người khác”. Đồng thời với việc viết “Tờ trả đất” nêu trên, từ năm 1993 ông H cũng đã giao cho cụ T⁹ quản lý phần đất này và giao cho cụ T⁹ quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01012 QSDĐ/iG ngày 01/11/1993 Thửa đất số 764, diện tích 14.675 m² đất 2L, Tờ bản đồ số 03, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cho đến nay. Người đại diện của ông H nài ra Tờ trả đất ngày 10/11/1993 không phải trả Thửa đất số 764 mà là trả diện tích 23.000 m² theo chứng khoán của chế độ cũ, nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh; đồng thời ngoài Thửa đất số 764 thì tại xã Vĩnh An, ông H không có đứng tên thửa đất nào có diện tích 23.000 m², nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông H yêu cầu công nhận Thửa đất số 764 thuộc quyền sử dụng riêng của ông H.

[5] Như vậy di sản của cụ V⁹ với cụ T⁹ gồm Thửa đất số 764, diện tích 14.675 m² đất 2L và Thửa đất số 700, diện tích 6.379 m² đất 2L cùng Tờ bản đồ số 03, đều tọa lạc tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

Cụ V⁹ chết không lập di chúc, còn Di chúc ngày 26/11/1999 của cụ T⁹ không hợp pháp nên Bản án sơ thẩm chia thừa kế di sản của cụ V⁹ với cụ T⁹ theo pháp luật là đúng quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015;

Biên bản định giá tài sản ngày 16/7/2024 xác định diện tích 14.675 m² có giá trị là 564.987.500 đồng, diện tích 6.379 m² có giá trị là 245.591.500 đồng. Tổng cộng 810.579.000 đồng.

Người thừa kế của cụ V⁹, cụ T⁹ có 08 người, công sức quản lý di sản bằng 01 kỷ phần thừa kế, nên Bản án sơ thẩm chia thành 09 kỷ phần và trích 01 kỷ

phần cho người có công giữ gìn, quản lý di sản là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 618 Bộ luật dân sự năm 2015 và Án lệ số 05/2016/AL.

Bản án sơ thẩm xét quá trình sử dụng đất trực tiếp của bà V, bà X và điều kiện trực tiếp canh tác của các thừa kế khác nên đã giao đất cho bà V, bà X tiếp tục canh tác và hoàn trả giá trị cho các thừa kế khác là phù hợp. Mặt khác cũng không có kháng cáo theo hướng yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

[6] Các đương sự có kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp, nên không có căn cứ để chấp nhận; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp;

Cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai sẽ thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo bản án có hiệu lực pháp luật, do đó Bản án sơ thẩm buộc ông Hí có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho bà Vây, Xiêm là vừa thừa, vừa gây khó khăn cho việc thi hành án, nên điều chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng vì những đương sự có kháng cáo đều là người cao tuổi nên được miễn.

[8] Các quyết định của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết một phần phản tố của bị đơn đối với nhà ở gắn với diện tích 186 m² đất ở xã Mỹ Hội Đông; về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 12, 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị V, bà Lê Thị X; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Diệp Thị M đối với bà Lê Thị V, bà Lê Thị X và ông Đặng Ngọc L về yêu cầu trả diện tích 14.675 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An

Giang; về yêu cầu trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01012/QSDĐ/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Lê Văn H diện tích 14.675 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Diệp Thị M về yêu cầu tuyên bố Tờ di chúc do cụ Lê Công T⁹ lập ngày 26/11/1999 vô hiệu.

Tuyên bố Tờ di chúc do cụ Lê Công T⁹ lập ngày 26/11/1999 không được coi là hợp pháp.

2.3. Không chấp nhận phản tố của bị đơn bà Lê Thị V và bà Lê Thị X về yêu cầu công nhận hiệu lực một phần Tờ di chúc ngày 26/11/1999; về yêu cầu công nhận bà Lê Thị V và bà Lê Thị X được hưởng 50% diện tích 14.675 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, 50% diện tích 6.379 m² đất tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, một phần hưởng thừa kế của cụ Lê Công T⁹ từ di sản của cụ Nguyễn Thị V⁹;

2.4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị V và bà Lê Thị X về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị V⁹ theo pháp luật;

2.5. Xác định di sản của cụ Lê Công T⁹ và cụ Nguyễn Thị V⁹ là Thừa đất số 764, diện tích 14.675 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và Thừa đất số 700, diện tích 6.379 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, trị giá thành tiền là 810.579.000 đồng. Chia thừa kế như sau:

2.5.1. Trích di sản của cụ Lê Công T⁹ và cụ Nguyễn Thị V⁹ tương ứng một phần thừa kế theo pháp luật thanh toán cho bà Lê Thị V và bà Lê Thị X về công sức quản lý di sản.

2.5.2. Bà Lê Thị V và bà Lê Thị X có nghĩa vụ hoàn trả phần thừa kế trị giá bằng tiền cho những người sau đây:

- Trả cho ông Lê Văn H số tiền 90.064.333 đồng (*Chín mươi triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*);

- Trả cho bà Lê Thị V¹ số tiền 90.064.333 đồng (*Chín mươi triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*);

- Trả cho Nguyễn Văn T³, Nguyễn Thị T⁴, Nguyễn Thị T⁵, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K số tiền 90.064.333 đồng (*Chín mươi triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*);

- Trả cho Nguyễn Thị H² (do người thừa kế của bà H² nhận), Lê Văn D, Lê Thị Thu T⁵, Lê Thị Mỹ P, Lê Quang S, Lê Trường V², Lê Thị Mỹ C, Lê Đức

T⁶ số tiền 90.064.333 đồng (*Chín mươi triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*);

- Trả cho Nguyễn Văn G¹ (do người thừa kế của ông H¹ nhận), Nguyễn Văn M¹, Nguyễn Thị T⁷, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn S¹, Nguyễn Thị P¹ số tiền 90.064.333 đồng (*Chín mươi triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*);

- Trả cho Nguyễn Văn K¹, Nguyễn Tiếp C¹, Nguyễn Thị T⁸, Nguyễn Thị Thu H³, Nguyễn Thị Minh C², Nguyễn Thị Kiều L¹ số tiền 90.064.333 đồng (*Chín mươi triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*);

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5.3. Công nhận cho bà Lê Thị V và bà Lê Thị X được quyền sử dụng Thửa đất số 764, diện tích 14.675 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và Thửa đất số 700, diện tích 6.379 m² đất trồng lúa tại xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01012/QSĐĐ/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Lê Văn H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947/QSĐĐ/iG ngày 01/11/1993 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho cụ Lê Công T⁹.

Bà Lê Thị V và bà Lê Thị X có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Các đương sự có kháng cáo: Lê Văn H, Diệp Thị M, Lê Thị V, Lê Thị X đều được miễn án phí dân sự phúc thẩm;

4. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết một phần phần tố của bị đơn đối với nhà ở gắn với diện tích 186 m² đất ở xã Mỹ Hội Đông; về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (25b).

Phạm Văn Công